TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6- 2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Đặng Hồng Phước
2/ Ông Ngô Phúc

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLST- HNGĐ ngày 3 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị T**,** sinh năm**:** 1974 (**Có đơn xin vắng mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện C, An Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T**,** sinh năm: 1974 **(Vắng mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 7/2/2023, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Bùi Văn T qua tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống như vợ chồng kể từ năm 1993, có làm đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thường xãy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tôi và ông Bùi Văn T ly thân từ lâu. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và kéo dài thêm nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn T.

-*Về con chung*: Có 02 con chung tên là Bùi Thị Mỹ H, sinh năm: 1994 và Bùi Công H, sinh năm: 1996. Hiện hai cháu đã trưởng thành

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Bùi Văn T***:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Bùi Văn T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà T. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của ông Ttại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì ông T hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở Tổ 19, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện Châu Thành, An Giang, nhưng ông Tvắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T. Về con chung: Có 02 con chung tên là Bùi Thị Mỹ H, sinh năm: 1994 và Bùi Công H, sinh năm: 1996. Hiện hai cháu đã trưởng thành. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Còn bà Đoàn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đoàn Thị T và ông Bùi Văn T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T và ông Bùi Văn T chung sống với nhau vào năm 1993, tự nguyện sống chung, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo giấy xác nhận số 09 ngày 7/2/2023 thì theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của ông T và bà T. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông Tđã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà T và ông T đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà Tvà ông T không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Thị T và ông Bùi Văn T là phù hợp.

[2.2]Về con chung: Có 02 con chung tên là Bùi Thị Mỹ H, sinh năm: 1994 và Bùi Công H, sinh năm: 1996. Hiện hai cháu đã trưởng thành

[2.*3] Về tài sản và nợ chung*: Bà Đoàn Thị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.*4] Về án phí***:** Do yêu cầu của Đoàn Thị Tđược chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đoàn Thị T. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Thị T và ông Bùi Văn T.

2.Về con chung: Có 02 con chung tên là Bùi Thị Mỹ H, sinh năm: 1994 và Bùi Công H, sinh năm: 1996. Hiện hai cháu đã trưởng thành

3.Về tài sản và nợ chung: Bà Đoàn Thị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004210 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5.Về kháng cáo: Bà Đoàn Thị T và ông Bùi Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung